

Số: /TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2018

Dự thảo

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định 116).

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các ô tô được sản xuất, lắp ráp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị định 116.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, doanh nghiệp sản xuất hoặc nhập khẩu linh kiện ô tô và các tổ chức, cơ quan liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thử nghiệm ô tô và linh kiện ô tô.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổng thành* là động cơ, khung, buồng lái, thân xe hoặc thùng chở hàng hay thiết bị chuyên dùng lắp trên ô tô.

2. *Hệ thống* là hệ thống truyền lực, hệ thống chuyển động, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái, hệ thống nhiên liệu, hệ thống điện, hệ thống đèn chiếu sáng và tín hiệu.

3. *Linh kiện* là các tổng thành, hệ thống và các chi tiết được sử dụng để lắp ráp ô tô.

4. *Sản phẩm* là linh kiện hoặc ô tô.

5. *Ô tô cùng kiểu loại* là các ô tô có cùng đặc điểm được xác định theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. *Chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm* là quá trình kiểm tra, thử nghiệm, xem xét, đánh giá và chứng nhận sự phù hợp của một kiểu loại sản phẩm với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

7. *Mẫu điển hình* là sản phẩm do Cơ sở sản xuất hoặc do Cơ quan quản lý chất lượng lựa chọn theo quy định để thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm.

8. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất linh kiện có đủ điều kiện theo các quy định hiện hành hoặc là cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô có đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Nghị định 116.

9. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức có đăng ký kinh doanh ngành nghề thiết kế phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hoặc là Cơ sở sản xuất tự thiết kế ô tô do đơn vị mình sản xuất, lắp ráp.

10. *Cơ quan quản lý chất lượng* (gọi tắt là Cơ quan QLCL) là Cục Đăng kiểm Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

11. *Cơ sở thử nghiệm* là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm linh kiện hoặc ô tô để thực hiện thử nghiệm linh kiện hoặc ô tô theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

12. *Sản phẩm có khuyết tật* là sản phẩm có lỗi trong quá trình thiết kế, chế tạo, lắp ráp có khả năng gây nguy hiểm đến an toàn tính mạng và tài sản của người sử dụng cũng như gây ảnh hưởng xấu đến an toàn và môi trường của cộng đồng.

13. *Quản lý rủi ro* là việc Cơ quan QLCL áp dụng các biện pháp nghiệp vụ nhằm xác định, đánh giá và phân loại mức độ rủi ro để phân loại doanh nghiệp và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp.

14. *Thủ tục đăng kiểm điện tử* là việc khai, tiếp nhận, xử lý thông tin khai đăng kiểm, trao đổi các thông tin về thủ tục đăng kiểm giữa các bên có liên quan thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm.

15. *Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm* là hệ thống thông tin do Cơ quan QLCL quản lý để thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.

16. *Hệ thống khai đăng kiểm điện tử* là hệ thống thông tin phục vụ cho Cơ sở sản xuất, nhập khẩu khai báo và tiếp nhận thông tin, kết quả phản hồi của cơ quan QLCL trong quá trình thực hiện thủ tục đăng kiểm điện tử.

17. *Bản đăng ký thông tin sản phẩm điện tử* là một dạng **tài liệu** điện tử bao gồm tập hợp các chỉ tiêu thông tin khai của cơ sở sản xuất, nhập khẩu.

18. *Sự cố giao dịch điện tử* là trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, hệ thống khai đăng kiểm điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau do nguyên nhân khách quan.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Hồ sơ thiết kế ô tô (bản giấy hoặc bản điện tử)

1. Hồ sơ thiết kế ô tô bao gồm:

a) Bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các Bản vẽ kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao bản thông số, tính năng kỹ thuật của các tổng thành, hệ thống liên quan tới nội dung tính toán thiết kế;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương của Cơ sở thiết kế thể hiện ngành nghề thiết kế (áp dụng đối với trường hợp thẩm định thiết kế lần đầu).

2. Đối với ô tô sản xuất, lắp ráp theo thiết kế và mang nhãn hiệu hàng hoá của nước ngoài, Cơ sở sản xuất được miễn lập hồ sơ thiết kế nêu tại khoản 1 Điều này nếu cung cấp được các tài liệu thay thế sau đây:

a) Bản sao (có xác nhận của cơ sở sản xuất nước ngoài) các bản vẽ kỹ thuật của ô tô và phải thể hiện được: bố trí chung của ô tô; các kích thước cơ bản của ô tô; bố trí và kích thước lắp đặt ghế ngồi, giường nằm; vị trí và kích thước lắp đặt đèn, gương chiếu hậu; chiều rộng toàn bộ ca bin và kích thước thùng chở hàng của ô tô (đối với ô tô chở hàng); kích thước và vị trí của cửa lên xuống, cửa thoát hiểm, bậc lên xuống, lối đi; kích thước và vị trí khoang chở hành lý đối với ô tô khách;

b) Bản sao (có xác nhận của cơ sở sản xuất nước ngoài) bản thông số kỹ thuật và tính năng cơ bản của ô tô sản xuất, lắp ráp do bên chuyên giao công nghệ cấp;

c) Bản sao (có xác nhận của cơ sở sản xuất nước ngoài) Giấy chứng nhận kiểu loại sản phẩm do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;

d) Bản sao văn bản của bên chuyển giao công nghệ xác nhận sản phẩm được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam có chất lượng phù hợp với sản phẩm nguyên mẫu.

Điều 5. Thẩm định thiết kế

1. Hồ sơ thiết kế ô tô phải được Cơ quan QLCL thẩm định.

2. Trình tự và cách thức thực hiện

a) Cơ sở thiết kế lập 01 bộ hồ sơ thiết kế ô tô theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của thông tư này và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc bằng hình thức khác đến Cơ quan QLCL. Trường hợp nộp hồ sơ bản giấy, Cơ sở thiết kế nộp 02 bản tài liệu (03 bản nếu Cơ sở thiết kế khác Cơ sở sản xuất) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 của thông tư này.

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để Cơ sở thiết kế hoàn thiện. Nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan QLCL tiếp nhận và tiến hành thẩm định hồ sơ theo quy định.

c) Cơ quan QLCL thực hiện xem xét, kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế ô tô với các tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải trong phạm vi 10 ngày làm việc. Nếu hồ sơ thiết kế ô tô có các nội dung chưa đạt yêu cầu thì Cơ quan QLCL tiến hành thông báo các nội dung chưa đạt để Cơ sở thiết kế thực hiện bổ sung, sửa đổi theo quy định. Cơ sở thiết kế có trách nhiệm bổ sung đầy đủ hồ sơ thiết kế trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn nêu trên, Cơ quan QLCL sẽ dừng việc thẩm định hồ sơ thiết kế. Để tiếp tục thực hiện việc thẩm định hồ sơ thiết kế ô tô, Cơ sở thiết kế phải tiến hành đăng ký lại từ đầu.

d) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế đạt yêu cầu và hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

e) Cơ sở thiết kế nhận kết quả thẩm định thiết kế bản giấy trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức tương tự khác gồm Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, 01 (02 bản đối với trường hợp cơ sở thiết kế khác Cơ sở sản xuất) bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế bản giấy đã duyệt. Đối với trường hợp hồ sơ thiết kế bản điện tử thì nhận kết quả qua cổng thông tin điện tử.

3. Bổ sung, sửa đổi hồ sơ thiết kế hoặc thẩm định lại hồ sơ thiết kế khi tiêu chuẩn, quy chuẩn thay đổi:

a) Trong trường hợp có thay đổi, bổ sung thiết kế so với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định hoặc trường hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có thay đổi, bổ sung thì Cơ sở thiết kế có văn bản đề nghị kèm theo các tài liệu nêu tại điểm a

và b khoản 1 Điều 4 liên quan đến các nội dung thay đổi của hồ sơ thiết kế (nếu có) hoặc các tài liệu nêu tại khoản 2 Điều 4 gửi tới Cơ quan QLCL đề nghị xem xét, thẩm định các nội dung bổ sung, sửa đổi và đánh giá sự phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo các quy định tại Thông tư này;

b) Cơ sở thiết kế phải lập hồ sơ thiết kế mới nếu các nội dung bổ sung, sửa đổi không đáp ứng được các yêu cầu về sản phẩm cùng kiểu loại được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thử nghiệm mẫu điển hình

1. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm chuẩn bị và chuyển mẫu điển hình tới địa điểm thử nghiệm. Các hạng mục và đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở thử nghiệm căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn Cơ sở sản xuất, nhập khẩu cung cấp các tài liệu (bản giấy hoặc bản điện tử) để phục vụ cho việc kiểm tra, thử nghiệm.

3. Cơ sở thử nghiệm tiến hành thử nghiệm mẫu điển hình theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Bộ Giao thông vận tải đối với sản phẩm; lập báo cáo kết quả thử nghiệm. Báo cáo thử nghiệm có giá trị sử dụng trong 36 tháng kể từ ngày ký để đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm (bản giấy hoặc bản điện tử)

1. Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại đối với linh kiện (thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này) bao gồm:

a) Bản thông tin về linh kiện có các thông số kỹ thuật của sản phẩm theo quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng kèm theo ảnh chụp tổng thể sản phẩm;

b) Bản sao Báo cáo kết quả thử nghiệm linh kiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại Việt Nam;

c) Bản sao Bản vẽ kỹ thuật kèm các thông số của sản phẩm; Bản thuyết minh các ký hiệu, ký tự, số đóng trên sản phẩm (nếu có) đối với các linh kiện loại khác;

d) Bản sao Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (đối với trường hợp cấp chứng nhận chất lượng theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu).

2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại đối với ô tô bao gồm:

a) Bản thông tin ô tô sản xuất, lắp ráp theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này kèm theo ảnh chụp tổng thể ô tô, ảnh chụp thiết bị đặc trưng (nếu có);

b) Bản sao báo cáo kết quả thử nghiệm về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành đối với ô tô tại Việt Nam.

Miễn nộp báo cáo thử nghiệm về khí thải (đối với động cơ) nếu cung cấp được một trong các tài liệu sau: bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất động cơ nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp theo quy định tại các thỏa thuận mà Việt Nam đã ký kết về chất lượng khí thải của các kiểu loại động cơ nhập khẩu cấp bởi các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; hoặc bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất động cơ nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại động cơ về khí thải (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL; hoặc bản sao Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại động cơ về khí thải cấp bởi Cơ quan QLCL đối với trường hợp Cơ sở sản xuất động cơ trong nước sản xuất, lắp ráp động cơ để cung cấp cho nhiều Cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô.

c) Bản sao Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật và các bản vẽ kỹ thuật của hồ sơ thiết kế đã được cơ quan QLCL thẩm định hoặc các tài liệu thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư này;

d) Bản thống kê các tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước và nhập khẩu dùng để sản xuất, lắp ráp ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và kèm theo một trong các tài liệu tương ứng đối với từng linh kiện (trừ động cơ) thuộc đối tượng phải kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy định như sau: Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL; hoặc bản sao văn bản xác nhận của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo các tài liệu kết quả chứng nhận sự phù hợp theo quy định tại các thỏa thuận mà Việt Nam đã ký kết về chất lượng của các kiểu loại linh kiện nhập khẩu được cấp bởi các quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam ký kết thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực chứng nhận xe cơ giới; hoặc bản sao văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp tại Việt Nam của nhà sản xuất linh kiện nước ngoài kèm theo bản sao Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại linh kiện (còn hiệu lực) được cấp bởi Cơ quan QLCL.

đ) Bản sao bản thuyết minh phương pháp và vị trí đóng số khung, số động cơ;

Điều 8. Đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở sản xuất

1. Cơ sở sản xuất phải xây dựng và duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng cho sản phẩm đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Xây dựng quy trình và hướng dẫn sản xuất, lắp ráp; quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra chất lượng cho từng kiểu loại sản phẩm từ khâu kiểm soát chất lượng linh kiện đầu vào, kiểm tra chất lượng trên từng công đoạn, kiểm tra chất lượng xuất xưởng; quy định và cách thức thực hiện bảo hành, bảo dưỡng; tiếp nhận, thu thập, xử lý khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm và quy định thực hiện triệu hồi sản phẩm sau khi đưa ra thị trường; xây dựng hệ thống lưu trữ hồ sơ và kiểm soát hồ sơ kiểm tra chất lượng sản phẩm.

b) Trang bị các thiết bị kiểm tra cho từng công đoạn sản xuất và kiểm tra chất lượng xuất xưởng, đảm bảo độ chính xác và duy trì tình trạng hoạt động bình thường. Danh mục các thiết bị tối thiểu cần thiết để kiểm tra chất lượng xuất xưởng ô tô quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Có kỹ thuật viên chịu trách nhiệm chung về kiểm tra chất lượng xuất xưởng ô tô được Nhà sản xuất nước ngoài (bên chuyên giao công nghệ) hoặc Cơ quan QLCL bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra chất lượng phù hợp với loại sản phẩm sản xuất, lắp ráp; Các kỹ thuật viên thực hiện kiểm tra chất lượng khác phải nắm vững nghiệp vụ và sử dụng được trang thiết bị kiểm tra chất lượng được đảm nhiệm;

2. Cơ quan QLCL đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng sản phẩm (đánh giá COP) theo các phương thức sau:

a) *Đánh giá lần đầu* được thực hiện trước khi cấp Giấy chứng nhận trên cơ sở tiêu chuẩn ISO/TS 16949 “Yêu cầu cụ thể đối với hệ thống quản lý chất lượng của các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe cơ giới và linh kiện xe cơ giới”, bao gồm việc xem xét, đánh giá các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này; hoạt động thực tế của hệ thống kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng sản phẩm; tình trạng hoạt động của thiết bị kiểm tra xuất xưởng; khả năng cải tiến liên tục, nâng cao chất lượng sản phẩm; khả năng truy xuất nguồn gốc vật tư, linh kiện, lịch sử chế tạo sản phẩm và thông tin về việc phân phối, khách hàng sử dụng sau khi đưa ra thị trường.

b) *Đánh giá tại các kỳ tiếp theo* được thực hiện để đánh giá việc thực hiện và duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng của Cơ sở sản xuất; đánh giá xác suất việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm và sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng so với hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại. Việc mở rộng phạm vi đánh giá được thực hiện khi phát hiện có sự không phù hợp.

3. Kết quả đánh giá COP được sử dụng làm căn cứ để cấp Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này. Thời gian kỳ đánh giá tiếp theo được xác định trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động quản lý chất lượng sản xuất, lắp ráp sản phẩm quy định tại Điều 14 và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Không đánh giá COP trong các trường hợp sau:

a) Kiểu loại sản phẩm được sản xuất, lắp ráp theo quy trình công nghệ và quy trình kiểm tra tương tự hoặc không có sự thay đổi cơ bản so với quy trình công nghệ và quy trình kiểm tra của kiểu loại sản phẩm đã được đánh giá trước đó;

b) Kiểu loại linh kiện nhập khẩu đăng ký chứng nhận theo tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

Điều 9. Cấp giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

1. Trình tự và cách thức thực hiện cấp Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) cho sản phẩm như sau:

a) Cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu linh kiện lập 01 bộ hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm (hồ sơ đăng ký chứng nhận) theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7 của Thông tư này và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc qua hình thức khác đến Cơ quan QLCL.

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ đăng ký chứng nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện.

c) Cơ quan QLCL thực hiện kiểm tra nội dung hồ sơ và kết quả đánh giá COP trong phạm vi 07 ngày làm việc. Nếu nội dung hồ sơ không hợp lệ hoặc kết quả đánh giá COP chưa phù hợp thì thông báo để Cơ sở sản xuất bổ sung, hoàn thiện theo quy định. Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo, nếu Cơ sở sản xuất không bổ sung, hoàn thiện thì phải thực hiện đăng ký chứng nhận lại từ đầu.

d) Cơ quan QLCL cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định và có kết quả đánh giá COP đạt yêu cầu.

đ) Cơ sở sản xuất nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại trụ sở Cơ quan QLCL hoặc qua hệ thống bưu chính (nếu có yêu cầu) hoặc theo hình thức phù hợp khác.

2. Đối với trường hợp linh kiện nhập khẩu đăng ký chứng nhận chất lượng theo tờ khai nhập khẩu thì Giấy chứng nhận cấp cho kiểu loại linh kiện nhập khẩu chỉ có giá trị đối với các linh kiện cùng kiểu loại thuộc cùng tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

Điều 10. Quy định trong quá trình sản xuất, lắp ráp hàng loạt

1. Cơ sở sản xuất phải kiểm tra chất lượng xuất xưởng cho từng sản phẩm sản xuất hàng loạt (gọi tắt là kiểm tra xuất xưởng) và đảm bảo các sản phẩm này đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình sau khi kiểu loại sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận.

2. Cơ sở sản xuất phải đảm bảo về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các sản phẩm xuất xưởng **và thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật**. Các xe chỉ được xuất xưởng khi Giấy chứng nhận của các linh kiện thuộc đối tượng phải kiểm tra thử nghiệm và chứng nhận theo định quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này còn hiệu lực.

3. Cơ sở sản xuất không được sử dụng khung hoặc động cơ có số đóng bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại để lắp ráp ô tô. Trường hợp ô tô có số khung (số VIN) hoặc số động cơ đóng trong nước bị sai, bị mờ, khó đọc hoặc mất nét chữ thì Cơ sở sản xuất phải giữ nguyên trạng số đã đóng và thông báo bằng văn bản tới Cơ quan QLCL; Cơ quan QLCL xem xét và thông báo bằng văn bản cho Cơ sở sản xuất, thực hiện việc giám sát đóng lại số khung (số VIN) hoặc số động cơ.

4. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm lập và cấp cho từng xe ô tô xuất xưởng 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này được dùng để làm thủ tục đăng ký (sau đây gọi tắt là Phiếu xuất xưởng); **Phiếu xuất xưởng (bản sao) để làm thủ tục khi kiểm định lần đầu tại các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.** Phiếu xuất xưởng phải do người có thẩm quyền (cấp trưởng, cấp phó hoặc cấp dưới trực tiếp được ủy quyền bằng văn bản của thủ trưởng Cơ sở sản xuất) ký tên, đóng dấu.

b) Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt trong đó có thể hiện thông số kỹ thuật cơ bản của sản phẩm và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị chính, thiết bị an toàn của xe, thiết bị đặc trưng (nếu có).

c) Sổ bảo hành hoặc phiếu bảo hành sản phẩm bằng tiếng Việt trong đó ghi rõ thời gian và điều kiện bảo hành, chu kỳ và nội dung công việc bảo dưỡng và địa chỉ các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng đáp ứng quy định của pháp luật.

5. Căn cứ trên kế hoạch sản xuất hàng tháng hoặc báo cáo kết quả kiểm tra lô xe đã thực hiện, Cơ sở sản xuất nhận phối Phiếu xuất xưởng cho xe ô tô theo một trong các phương thức được xác định trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động quản lý chất lượng sản xuất, lắp ráp ô tô quy định tại Điều 14 và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Cơ quan QLCL thành lập đoàn kiểm tra đột xuất sự phù hợp của sản phẩm xuất xưởng, việc sử dụng Phiếu xuất xưởng, việc duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng trong trường hợp sau:

a) Căn cứ diễn biến về chất lượng trên thị trường hoặc căn cứ vào phản ánh về việc vi phạm các quy định tại Thông tư này hoặc có khiếu nại về chất lượng sản phẩm;

b) Có văn bản yêu cầu của các cơ quan chức năng.

Nếu kết quả kiểm tra cho thấy Cơ sở sản xuất vi phạm các quy định liên quan đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc sản phẩm xuất xưởng không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình đã được chứng nhận hoặc sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định hoặc vi phạm các quy định khác tại Thông tư này thì xem xét xử lý theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này, đồng thời áp dụng biện pháp quản lý phù hợp tương ứng theo quy định tại Điều 14 và Phụ lục X của Thông tư này.

7. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm báo cáo và truyền dữ liệu liên quan đến việc kiểm tra xe xuất xưởng tới Cơ quan QLCL.

Điều 11. Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm

1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, hỏng hoặc hết hiệu lực hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến cơ sở sản xuất trên Giấy chứng nhận.

2. Hồ sơ cấp lại gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu nêu tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7 của Thông tư này (đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết hiệu lực). Miễn nộp các tài liệu nếu không có sự thay đổi so với các tài liệu đã nộp trong hồ sơ đăng ký chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở sản xuất lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua công thông tin điện tử hoặc hình thức phù hợp khác đến Cơ quan QLCL.

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện.

c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cấp lại Giấy chứng nhận trong vòng 02 ngày làm việc đối với trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến Cơ sở sản xuất trên Giấy chứng nhận; hoặc trong vòng 03 ngày đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết hiệu lực.

4. Để xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đối với trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thì Cơ sở sản xuất thông báo đến Cơ quan QLCL để thực hiện lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô sản phẩm sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu để thử nghiệm theo quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng tại Việt Nam.

5. Hiệu lực Giấy chứng nhận cấp lại do bị mất, hỏng hoặc do thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến Cơ sở sản xuất được lấy theo hiệu lực của Giấy chứng nhận của kiểu loại sản phẩm đã cấp.

Điều 12. Cấp mở rộng Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại

1. Việc cấp mở rộng Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại được thực hiện khi kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận có sự thay đổi so với hồ sơ chứng nhận chất lượng kiểu loại nhưng vẫn đáp ứng được các yêu cầu về sản phẩm cùng kiểu loại theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ bổ sung khi sản phẩm có sự thay đổi so với kiểu loại sản phẩm gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI của Thông tư này, kèm theo các tài liệu liên quan tới sự thay đổi của sản phẩm;

b) Báo cáo kết quả thử nghiệm bổ sung các hạng mục thay đổi của sản phẩm (trừ trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tính tiện nghi và thẩm mỹ nhưng không làm thay đổi các thông số an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được sử dụng làm cơ sở để cấp Giấy chứng nhận kiểu loại và đáp ứng được các yêu cầu về sản phẩm cùng kiểu loại được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trình tự thực hiện

a) Cơ sở sản xuất gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua cổng thông tin điện tử hoặc hình thức phù hợp khác đến Cơ quan QLCL.

b) Cơ quan QLCL tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì Cơ quan QLCL trả lại hồ sơ trong ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trả lại hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với hình thức nộp khác và hướng dẫn để Cơ sở sản xuất hoàn thiện.

c) Cơ quan QLCL kiểm tra nội dung hồ sơ, nếu hợp lệ thì cấp Giấy chứng nhận mở rộng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Nếu hồ sơ có các nội dung không hợp lệ thì cơ quan QLCL thông báo cho Cơ sở sản xuất để hoàn thiện. Trường hợp các nội dung thay đổi không làm thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đã cấp, không làm thay đổi kết cấu chung của sản phẩm thì Cơ quan QLCL chỉ kiểm tra, ghi nhận các nội dung thay đổi của sản phẩm mà không cấp Giấy chứng nhận.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận mở rộng được lấy theo hiệu lực của Giấy chứng nhận của kiểu loại xe trước khi thay đổi

Điều 13. Tạm dừng việc xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm và thu hồi Giấy chứng nhận kiểu loại sản phẩm

1. Tạm dừng việc xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL yêu cầu Cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm một trong các lỗi sau: không duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng sản phẩm theo quy định; không thực hiện kiểm tra xuất xưởng theo quy định; sản phẩm xuất xưởng không phù hợp với hồ sơ đăng ký chứng nhận và mẫu điển hình của kiểu loại đã được chứng nhận; sử dụng Phiếu xuất xưởng không đúng quy định.

b) Cơ sở sản xuất không thực hiện việc triệu hồi sản phẩm bị khuyết tật theo quy định tại Chương III của Thông tư này.

c) Cơ sở sản xuất tự ý tẩy xóa, đục sửa số khung, số động cơ;

d) Có các vi phạm quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tạm dừng việc xuất xưởng của tất cả kiểu loại sản phẩm

Cơ quan QLCL yêu cầu Cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng của tất cả kiểu loại sản phẩm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở sản xuất vi phạm lỗi đã nêu tại điểm a, d khoản 1 Điều này ảnh hưởng đến nhiều kiểu loại sản phẩm.

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô của Cơ sở sản xuất bị tạm dừng hiệu lực hoặc bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

c) Không hợp tác trong việc điều tra lỗi của sản phẩm có khuyết tật; cố tình che dấu thông tin, cung cấp thông tin không trung thực; không thực hiện triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật theo yêu cầu của Cơ quan QLCL

3. Hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng sản phẩm:

Cơ quan QLCL xem xét hủy bỏ việc tạm dừng xuất xưởng của kiểu loại sản phẩm sau khi Cơ sở sản xuất đã khắc phục các lỗi vi phạm và thông báo cho Cơ sở sản xuất.

Nếu quá thời gian 06 tháng kể từ ngày tạm dừng xuất xưởng kiểu loại sản phẩm mà Cơ sở sản xuất vẫn không khắc phục được các lỗi vi phạm thì Giấy chứng nhận đã cấp cho kiểu loại sản phẩm sẽ bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thu hồi Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận sẽ bị thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở sản xuất giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Giả mạo các tài liệu trong hồ sơ đăng ký chứng nhận;

c) Quá thời gian 06 tháng kể từ ngày bị tạm dừng xuất xưởng sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này mà Cơ sở sản xuất không thực hiện khắc phục lỗi vi phạm.

Nếu Cơ sở sản xuất có nhu cầu tiếp tục sản xuất, lắp ráp kiểu loại sản phẩm bị thu hồi thì phải thực hiện thẩm định lại thiết kế và chứng nhận lại như đối với sản phẩm mới.

Điều 14. Quản lý rủi ro

1. Cơ quan QLCL căn cứ trên cơ sở xác định, đánh giá mức độ rủi ro để tiến hành phân nhóm doanh nghiệp và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp tương ứng. Tiêu chí phân nhóm theo mức độ rủi ro và các biện pháp quản lý được quy định chi tiết tại Phụ lục X của Thông tư này.

2. Khi có sự thay đổi phân nhóm, Cơ quan QLCL thông báo để cơ sở sản xuất biết và thực hiện.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ TRIỆU HỒI SẢN PHẨM CÓ KHUYẾT TẬT

Điều 15. Sản phẩm phải triệu hồi

Cơ sở sản xuất phải triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật do mình sản xuất, lắp ráp trong các trường hợp sau:

1. Sản phẩm vi phạm các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành bắt buộc áp dụng cho đối tượng sản phẩm đó;
2. Sản phẩm gây ra nguy hiểm về tính mạng và tài sản do các lỗi kỹ thuật trong quá trình thiết kế, chế tạo;
3. Sản phẩm dù chưa gây tổn thất về người và tài sản nhưng qua quá trình sử dụng có thể gây nguy hiểm trong một số điều kiện nhất định.

Cơ quan QLCL sẽ căn cứ theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, các thông tin, kết quả điều tra để xem xét và đưa ra quyết định buộc thực hiện triệu hồi sản phẩm.

Đối với các sản phẩm có khuyết tật không thuộc các trường hợp phải triệu hồi nêu trên thì cơ sở sản xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Triệu hồi sản phẩm

1. Cơ sở sản xuất chủ động thực hiện triệu hồi:

Trường hợp phát hiện ra các sản phẩm đã bán ra thị trường có khuyết tật thuộc diện phải triệu hồi, Cơ sở sản xuất chủ động thực hiện các công việc sau đây:

a) Tạm dừng xuất xưởng đối với các sản phẩm thuộc kiểu loại sản phẩm có khuyết tật;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện ra sản phẩm có khuyết tật, Cơ sở sản xuất phải thông báo bằng văn bản tới các đại lý bán hàng yêu cầu tạm dừng việc cung cấp sản phẩm có khuyết tật ra thị trường;

c) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày xác định các sản phẩm có khuyết tật phải triệu hồi, Cơ sở sản xuất phải báo cáo Cơ quan QLCL về nguyên nhân xảy ra khuyết tật của sản phẩm, biện pháp khắc phục, số lượng sản phẩm phải triệu hồi và kế hoạch triệu phù hợp;

d) Công bố công khai kế hoạch triệu hồi trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo ít nhất là 03 tháng một lần kết quả thực hiện triệu hồi sản phẩm theo kế hoạch;

f) Sau thời gian không quá 30 ngày kể từ khi kết thúc việc triệu hồi, Cơ sở sản xuất phải báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện triệu hồi tới Cơ quan QLCL;

- g) Chịu mọi chi phí liên quan đến việc triệu hồi sản phẩm.

2. Triệu hồi theo yêu cầu của Cơ quan QLCL

Trường hợp phát hiện ra sản phẩm khuyết tật thuộc diện phải triệu hồi của các sản phẩm đã bán ra thị trường, Cơ quan QLCL thực hiện các công việc sau đây:

a) Yêu cầu Cơ sở sản xuất tạm dừng xuất xưởng kiểu loại sản phẩm có khuyết tật và báo cáo Cơ quan QLCL về các thông tin liên quan;

b) Căn cứ vào mức độ nguy hiểm và khẩn cấp của sản phẩm có khuyết tật để có yêu cầu Cơ sở sản xuất thực hiện triệu hồi sản phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan QLCL có thể trưng cầu các chuyên gia để đánh giá mức độ nguy hiểm của lỗi của sản phẩm có khuyết tật để có thể đưa ra các quyết định kịp thời và cần thiết.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của Cơ quan QLCL

1. Tổ chức triển khai thực hiện các quy định tại Thông tư này.
2. Thống nhất phát hành, quản lý và hướng dẫn sử dụng đối với Giấy chứng nhận và phôi Phiếu xuất xưởng.
3. Công bố danh sách các Cơ sở thử nghiệm thực hiện việc thử nghiệm linh kiện, ô tô phục vụ cho công tác chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giám sát việc thực hiện thử nghiệm tại cơ sở thử nghiệm khi cần thiết.
4. Thông báo tới cơ quan Công an khi nhận được thông báo bị mất Phiếu xuất xưởng của Cơ sở sản xuất; Thông báo với cơ quan Hải quan nơi nhập khẩu khi có bằng chứng ô tô sản xuất, lắp ráp sử dụng bộ linh kiện có số khung, số động cơ đóng tại nước ngoài bị tẩy xóa, đục sửa, đóng lại.
5. Thu các khoản phí (giá), lệ phí theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp xảy ra sự cố giao dịch điện tử trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử đăng kiểm, Cơ quan QLCL có trách nhiệm thông báo trên trang Thông tin điện tử của Cơ quan QLCL chậm nhất 04 giờ kể từ thời điểm xảy ra sự cố trong giờ hành chính hoặc 04 giờ kể từ thời điểm bắt đầu ngày làm việc tiếp theo đối với những sự cố xảy ra trong thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật.
7. Lưu trữ hồ sơ thiết kế, hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm ít nhất 05 năm kể từ thời điểm Cơ sở sản xuất thông báo tới Cơ quan QLCL ngừng sản xuất, lắp ráp kiểu loại sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc kể từ thời điểm Giấy chứng nhận cấp cho kiểu loại sản phẩm hết hiệu lực. Trường hợp hồ sơ bằng giấy đã được điện tử hóa để lưu trữ theo quy định thì cho phép hủy hồ sơ bằng giấy sau 03 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

Điều 18. Trách nhiệm của cơ sở thử nghiệm

1. Cơ sở thử nghiệm có trách nhiệm thử nghiệm về chất lượng an toàn kỹ thuật của ô tô và linh kiện sử dụng cho ô tô, về khí thải của ô tô hoặc động cơ theo quy định hiện hành theo đề nghị của Cơ sở sản xuất, nhập khẩu; Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, thử nghiệm đã thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện, hướng dẫn cơ sở sản xuất, nhập khẩu chuẩn bị các tài liệu, mẫu điển hình để thử nghiệm theo quy định.

3. Thu các khoản phí (giá) kiểm tra, thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

4. Lưu trữ kết quả và các tài liệu phục vụ thử nghiệm ít nhất 03 năm kể từ ngày cấp báo cáo kết quả thử nghiệm.

Điều 19. Trách nhiệm của Cơ sở sản xuất, Cơ sở nhập khẩu linh kiện và Cơ sở thiết kế

1. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng và duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng sản phẩm nêu tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này.

2. Thực hiện trách nhiệm triệu hồi các sản phẩm có khuyết tật theo quy định của Thông tư này; Thông báo các thông tin cần thiết liên quan đến việc triệu hồi cho các đại lý, trạm dịch vụ và khách hàng; Chủ động báo cáo đầy đủ với Cơ quan QLCL thông tin liên quan đến lỗi của sản phẩm có khuyết tật cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến sản phẩm khi được yêu cầu.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin khai báo và các tài liệu nộp trong hồ sơ.

4. Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm, linh kiện sử dụng để sản xuất, lắp ráp ô tô; lưu trữ các thông tin liên quan đến sản phẩm, linh kiện để truy xuất nguồn gốc và triệu hồi sản phẩm.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi xâm phạm sở hữu trí tuệ (nếu có); có trách nhiệm xuất trình các tài liệu thể hiện không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khi có yêu cầu hoặc khi có khiếu kiện về sự xâm phạm sở hữu trí tuệ.

6. Trường hợp xảy ra sự cố giao dịch điện tử trên Hệ thống khai đăng kiểm điện tử, Cơ sở thiết kế, Cơ sở sản xuất hoặc Cơ sở nhập khẩu phải thông báo cho Cơ quan QLCL để phối hợp giải quyết.

7. Lưu trữ hồ sơ thiết kế ô tô, hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng kiểu loại sản phẩm, các tài liệu liên quan đến việc đảm bảo chất lượng của sản phẩm tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm dừng sản xuất kiểu loại sản phẩm.

8. Lưu trữ phân lưu của Phiếu xuất xưởng, hồ sơ kiểm tra chất lượng của sản phẩm tối thiểu 03 năm kể từ ngày xuất xưởng sản phẩm. Khi hủy tài liệu này, Cơ sở sản xuất phải bảo đảm được việc truy xuất dữ liệu phục vụ cho việc triệu hồi.

9. Thông báo với Cơ quan QLCL khi bị mất Phiếu xuất xưởng và chỉ được cấp Phiếu xuất xưởng thay thế sau 30 ngày kể từ ngày thông báo.

10. Cơ sở sản xuất có trách nhiệm trả các khoản chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm hoặc giám định sản phẩm có khuyết tật theo quy định.

Chương V

HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 20....

2. Đối với các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này có các quy định khác với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác thì thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng để sản xuất, lắp ráp trong vòng 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Phiếu xuất xưởng đã cấp cho các xe ô tô trước ngày Thông tư này có hiệu lực và Phiếu xuất xưởng cấp cho các xe ô tô theo khoản 1 Điều này vẫn có giá trị sử dụng để giải quyết các việc có liên quan.

3. Giấy chứng nhận đã cấp cho các kiểu loại linh kiện nhập khẩu chưa thực hiện kiểm tra, thử nghiệm theo quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 04 năm 2019.

4. Khi các Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến kiểu loại sản phẩm đã được chứng nhận thay đổi thì cơ sở sản xuất được tiếp tục sản xuất, lắp ráp và xuất xưởng sản phẩm cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ;
Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;

BỘ TRƯỞNG

- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

Nguyễn Văn Thế